

ĐỀ ÔN TẬP CUỐI HK1 - ĐỀ SỐ 3**MÔN: ĐỊA LÍ 12****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Mục tiêu**

- ✓ Ôn tập kiến thức học kì I: phần Địa lí dân cư, Địa lí các ngành kinh tế
- ✓ Giải thích được một số vấn đề liên quan.

PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**Câu 1:** Vùng nào ở nước ta có mật độ dân số cao nhất cả nước?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2: Hậu quả của đô thị hóa tự phát không phải là

- A. sức ép lớn vấn đề việc làm.
- B. gây ra ô nhiễm môi trường.
- C. mất an ninh, trật tự xã hội.
- D. cải thiện đời sống nhân dân.

Câu 3: Điều kiện chủ yếu phát triển khai thác hải sản nước ta là

- A. vùng biển rộng lớn, nguồn lợi sinh vật.
- B. sông ngòi dày đặc, rừng ngập mặn rộng.
- C. tàu thuyền hiện đại, đâm phá ven biển.
- D. bãi biển rộng, nhiều rạn san hô ven bờ.

Câu 4: Vùng nào sau đây có nhiều đất phèn, đất mặn và nhiều diện tích rừng ngập mặn hơn các vùng khác?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5: Nhận định nào sau đây đúng về ngành công nghiệp sản xuất điện của nước ta?

- A. Nước ta có nguồn năng lượng phong phú để sản xuất điện.
- B. Giá trị sản xuất và sản lượng điện ngày càng giảm.
- C. Thủy điện chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu sản lượng điện.
- D. Trong tương lai, nước ta hạn chế phát triển các nguồn năng lượng tái tạo.

Câu 6: Vùng nào sau đây hiện có giá trị sản xuất công nghiệp thấp nhất cả nước?

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 7: Các khu công nghiệp ở nước ta phân bố như thế nào?

- A. Không đồng đều.
- B. Đồng đều.
- C. Tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- D. Tập trung ở vùng Đông Nam Bộ.

Câu 8: Nhân tố chủ yếu tác động đến sự xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới ở nước ta là

- A. khoa học – công nghệ.
C. tài nguyên thiên nhiên.

- B. vị trí địa lí.
D. đặc điểm dân số.

Câu 9: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. tương đối đa dạng, không ngừng phát triển.
C. cơ giới hóa, tự động hóa, phân bố hợp lí.

- B. thiết bị cũ kĩ lạc hậu, quy trình thủ công.
D. tính phục vụ rất cao, mạng lưới phủ khắp.

Câu 10: Xu hướng phát triển du lịch được chú trọng ở nước ta hiện nay là

- A. đa dạng loại hình, chuyển đổi số.
C. phát triển ổn định, tăng trưởng xanh.

- B. du lịch bền vững, du lịch thông minh.
D. mở rộng thị trường, du lịch ảo.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói với ngành thủy sản của nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện tàu thuyền ngư cụ còn lạc hậu, không được trang bị mới
B. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển.
C. Chưa chú ý vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.
D. Các mặt hàng thủy sản chưa được chấp nhận ở thị trường Hoa Kỳ.

Câu 12: Nhận định nào sau đây đúng với sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta hiện nay?

- A. Là ngành công nghiệp được phát triển từ lâu đời và có nguồn năng lượng phong phú để sản xuất.
B. Đã xây dựng được mạng lưới điện quốc gia để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các vùng.
C. Thủy điện luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta.
D. Chú trọng phát triển mạnh các nguồn năng lượng hoá thạch và thủy điện là xu hướng phát triển của ngành điện.

Câu 13: Nhân tố nào giúp hoạt động dịch vụ thay đổi toàn diện?

- A. Dân cư. B. Thị trường. C. Khoa học – công nghệ. D. Chính sách.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây đúng với mạng lưới giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay?

- A. Đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia.
B. Các tuyến đường Đông – Tây là trục giao thông chính ở nước ta.
C. Chưa hình thành được các đầu mối giao thông quan trọng ở hai miền Bắc – Nam.
D. Đường Hồ Chí Minh có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế – xã hội ở phía đông nước ta.

Câu 15: Việc nâng cấp các trung tâm du lịch biển ở nước ta mang lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo thêm nhiều việc làm cho người dân. B. Thu hút được nhiều du khách hơn.
C. Nâng cao hiệu quả khai thác du lịch biển. D. Tăng doanh thu cho ngành du lịch.

Câu 16: Giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản nước ta ngày càng nâng cao chủ yếu do

- A. tăng cường các ngành chế biến. B. có diện tích mặt nước rộng lớn.
C. nguồn lao động trong nước đông. D. nâng cao chất lượng của thức ăn.

Câu 17: Nhận định nào sau đây đúng với tình hình phát triển của ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta hiện nay?

- A. Là ngành còn non trẻ, chiếm tỉ trọng còn thấp trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.
B. Phát triển nhờ lợi thế về nguồn lao động phổ thông dồi dào, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất.
C. Phân bố và phát triển mạnh ở những vùng thu hút được nhiều dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

D. Sản phẩm chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng và phát triển các ngành kinh tế ở trong nước.

Câu 18: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng Đông Nam Bộ tăng nhanh chủ yếu do

- A.** sản xuất hàng hóa phát triển, mức sống tăng, chính sách đổi mới.
- B.** thu nhập bình quân cao, tập quán tiêu dùng hiện thay đổi mạnh.
- C.** mức sống tăng, tiêu dùng mạnh và có số dân đông nhất cả nước.
- D.** công nghiệp trình độ cao, hàng hóa đa dạng, giao thông phát triển.

PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau:

Tăng trưởng kinh tế đô thị những năm gần đây đều trên 10%, cao gấp 1,5 – 2 lần so với mặt bằng chung của cả nước. Các đô thị đóng góp quan trọng trong việc giải quyết việc làm, tăng phúc lợi xã hội, tạo đột phá đối với việc thu hút đầu tư, phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế khu vực đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Tuy nhiên, làm thế nào để tăng trưởng đô thị mà không gây sức ép tới tài nguyên, cơ sở hạ tầng và dịch vụ,... vẫn là câu hỏi lớn chưa có lời giải đáp.

(Nguồn: “Để đô thị thực sự trở thành động lực phát triển”, Trang thông tin kinh tế của Thông tấn xã Việt Nam, ngày 7-11-2023)

- a)** Các đô thị đã góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước.
- b)** Lối sống đô thị đang làm cho các vùng nông thôn thay đổi theo chiều hướng xấu, chất lượng cuộc sống sa sút,...
- c)** Các đô thị cũng đang đóng góp quan trọng vào vấn đề an sinh xã hội.
- d)** Đô thị phát triển nhanh, phân tán sẽ làm cho việc sử dụng đất đai không hợp lí, hạn chế cơ hội cho thế hệ tương lai,...

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau:

Diện tích rừng trồng ở nước ta tăng liên tục qua các năm: bình quân trong giai đoạn 2010 – 2021, mỗi năm cả nước trồng mới hơn 260 nghìn ha. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng (rừng trồng) năm 2021 đạt 18,9 triệu m³ và có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

- a)** Năm 2021, giá trị sản xuất chiếm khoảng 3% trong cơ cấu giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- b)** Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm: khai thác, chế biến lâm sản; xuất khẩu lâm sản.
- c)** Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tăng, khai thác rừng tự nhiên được quản lí chặt chẽ theo hướng bền vững.
- d)** Hoạt động trồng rừng được quan tâm đẩy mạnh, diện tích rừng trồng mới ngày càng tăng.

Câu 3: Dựa vào bảng số liệu, chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

*Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành
ở nước ta năm 2010 và năm 2021.*

(Đơn vị: %)

Ngành công nghiệp	Năm	
	2010	2021
Khai khoáng	10,2	3,0
Chế biến, chế tạo	86,2	93,0
Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3,0	3,3
Cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải	0,6	0,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

- a) Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
- b) Tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp khai khoáng giảm mạnh theo hướng phát triển bền vững.
- c) Tỉ trọng của nhóm ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng nhiều nhất.
- d) Cơ cấu công nghiệp phân theo ngành đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá và phát triển các ngành công nghiệp truyền thống.

Câu 4: Cho thông tin sau:

Mạng lưới đường bộ có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế, cảng biển, sân bay, cửa khẩu, các đầu mối giao thông...và đã phủ kín khắp cả nước. Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo vĩ độ và hẹp ngang nên đã hình thành hai tuyến trục chính là Bắc – Nam và Đông – Tây.

- a) Tuyến quốc lộ quan trọng nhất theo chiều Bắc – Nam của nước ta là quốc lộ số 1.
- b) Ngành giao thông đường bộ của nước ta được ưu tiên phát triển do mang lại ý nghĩa lớn về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.
- c) Các tuyến giao thông theo chiều Đông – Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế.
- d) Phát triển giao thông đường bộ ở trung du và miền núi chỉ có mục đích là phục vụ nhu cầu đi lại của dân cư.

PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: triệu kwh)

Năm	2010	2015	2017	2019	2020
Nhà nước	67 678	133 081	165 548	184 202	190 412
Ngoài Nhà nước	1 721	7 333	12 613	19 713	24 100
Đầu tư nước ngoài	22 323	17 535	13 432	23 508	20 898

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Năm 2020, thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm bao nhiêu % trong cơ cấu sản lượng điện phát ra theo thành phần kinh tế của nước ta? (làm tròn tới số thập phân thứ nhất)

Câu 2: Cho bảng số liệu:

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
PHÂN THEO VÙNG Ở NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Năm	2015	2018	2021
Cả nước	3 233,2	4 393,5	4 657,0
Đồng bằng sông Hồng	724,0	966,4	1 147,1
Đông Nam Bộ	1 070,8	1 456,8	1 334,3
Đồng bằng sông Cửu Long	595,7	836,9	928,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, Nhà xuất bản Thống kê 2022)

Tính tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2021 (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm	2010	2015	2018	2021
GDP	2 739,8	51 913,2	70 090,4	84 874,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta năm 2021 gấp bao nhiêu lần so với năm 2010. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của số lần)

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Khai thác	3176,5	3463,9	3829,3	3896,5	3937,1
Nuôi trồng	3550,7	3938,7	4592	4739,2	4855,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ bảng số liệu, tính tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn)

Câu 5: Năm vào 2022, trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta là 730,2 tỉ USD, trị giá nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ là 358,9 tỉ USD.

Tính cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2022. (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tỉ USD)

Câu 6: Tính đến năm 2021, tổng diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta là 3835,4 ha. Khu công nghệ cao Hòa Lạc có diện tích là 1586 ha. Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm bao nhiêu % diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

----- HẾT -----

**HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT****THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn**

1.A	2.D	3.A	4.B	5.A	6.A	7.A	8.A	9.A	10.B
11.B	12.B	13.C	14.A	15.C	16.A	17.C	18.A		

Câu 1 (NB):**Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng có mật độ dân số cao nhất lần lượt là 1 091 người/km² và 778 người/km² => Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước.

Chọn A.**Câu 2 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Địa lí dân cư.

Cách giải:

Đô thị hóa tự phát là sự di dân tự do, ồ ạt từ nông thôn ra thành thị -> quá trình di dân này thiếu quy hoạch khoa học, không có sự quản lý chặt chẽ của chính quyền địa phương -> Dân cư tập trung quá đông tại một địa điểm => nảy sinh nhiều vấn đề về nhà ở, thiếu việc làm, ô nhiễm môi trường, mất trật tự xã hội.

Chọn D.**Câu 3 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Điều kiện chủ yếu phát triển khai thác hải sản nước ta là vùng biển rộng (vùng biển rộng khoảng 1 triệu km², ấm, kín) nguồn lợi sinh vật lớn (tổng trữ lượng khoảng 4 triệu tấn, đa dạng thành phần loài, nhiều loài có giá trị cao).

Chọn A.**Câu 4 (NB):****Phương pháp:**

SGK Địa lí 12, Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

Cách giải:

Duyên hải Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ, Tây Nguyên là các vùng có mùa mưa và mùa khô sâu sắc => Vào mùa khô, các vùng này sẽ có hiện tượng hạn hán, thiếu nước,...

=> Xét về điều kiện sinh thái nông nghiệp, vùng Đồng bằng sông Hồng ít chịu khô hạn và thiếu nước về mùa

khô.

Chọn B.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển công nghiệp.

Cách giải:

Nước ta có nguồn năng lượng phong phú để sản xuất điện: than, khí, thủy năng, năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...

Chọn A.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.

Cách giải:

Tây Nguyên là vùng hiện có giá trị sản xuất công nghiệp thấp nhất cả nước hiện nay (Năm 2021: Tây Nguyên chỉ chiếm 0,8% trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo các vùng kinh tế ở nước ta)

Chọn A.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Tổ chức lãnh thổ công nghiệp.

Cách giải:

Các khu công nghiệp ở nước ta phân bố không đều giữa các khu vực, tập trung nhiều nhất ở Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn A.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Dịch vụ.

Cách giải:

Nhân tố chủ yếu tác động đến sự xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới ở nước ta là khoa học – công nghệ. Những thành tựu của công nghệ hiện đại, công nghệ số, kinh tế số, công nghệ thông tin,... đã làm thay đổi phương thức sản xuất, cung ứng nhiều loại hình dịch vụ, xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới. VD: Thương mại điện tử, du lịch ảo, giao thông thông minh,...

Chọn A.

Câu 9 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí ngành Giao thông vận tải và Bưu chính viễn thông.

Cách giải:

Ngành viễn thông nước ta hiện nay tương đối đa dạng, không ngừng phát triển: bao gồm mạng điện thoại, mạng phi thoại và mạng truyền dẫn.

- Mạng điện thoại và số thuê bao điện thoại tăng nhanh, trong đó điện thoại di động, điện thoại thông minh được dùng phổ biến.
- Mạng truyền dẫn phát triển và hội nhập với quốc tế qua hệ thống vệ tinh và cáp quang. Hiện nay, nước ta có 7 tuyến cáp quang biển kết nối đi quốc tế và hai hệ thống truyền dẫn vệ tinh.
- Mạng băng rộng cố định phủ sóng toàn quốc, mạng băng rộng di động phát triển mạnh mẽ, trong đó 99,8% dân số được phủ sóng 4G.

Chọn A.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch.

Cách giải:

Xu hướng phát triển du lịch được chú trọng ở nước ta hiện nay là du lịch bền vững, du lịch thông minh.

- Du lịch bền vững không chỉ đơn thuần là xu hướng mà còn là một yếu tố quyết định đến sự phát triển lâu dài và bền vững của ngành du lịch trên toàn cầu.
- Du lịch thông minh giúp tăng khả năng tiếp cận toàn cầu, nâng cao chất lượng phục vụ và quản lý, hướng tới phát triển bền vững. Đây là loại hình du lịch được phát triển dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ hiện đại.

Chọn B.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Cách giải:

Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển là phát biểu đúng về ngành thủy sản của nước ta.

A sai vì phương tiện tàu thuyền ngày càng được chú trọng và hiện đại.

C sai vì nước ta ngày càng chú ý đến vấn đề truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản.

D sai vì Hòa Kỳ hiện đang là thị trường lớn của nước ta.

Chọn B.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Một số ngành công nghiệp.

Cách giải:

Đã xây dựng được mạng lưới điện quốc gia để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các vùng là nhận định đúng với sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta hiện nay.

A sai vì nguồn năng lượng về than hiện nay không còn nhiều, nguồn năng lượng từ nước (thủy điện) phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên và nước láng giềng.

C sai vì nhiệt điện luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta.

D sai vì hiện nay nước ta chú trọng phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo, đây là xu hướng phát triển của ngành điện.

Chọn B.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

Cách giải:

Khoa học – công nghệ giúp hoạt động dịch vụ thay đổi toàn diện. Công nghệ hiện đại góp phần phát triển bền vững và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành dịch vụ.

Chọn C.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông.

Cách giải:

Đã phủ kín cả nước và hình thành các trục đường xuyên quốc gia là đặc điểm đúng với mạng lưới giao thông đường bộ ở nước ta hiện nay.

B sai vì các tuyến bắc – nam mới là trục giao thông chính ở nước ta.

C sai vì nước ta đã hình thành các đầu mối giao thông quan trọng ở hai miền Bắc – Nam như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

D sai vì đường Hồ Chí Minh có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế – xã hội ở phía tây nước ta vì đây là nơi kinh tế còn kém phát triển.

Chọn A.

Câu 15 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Thương mại và du lịch.

Cách giải:

Việc nâng cấp các trung tâm du lịch biển ở nước ta mang lại ý nghĩa chủ yếu là nâng cao hiệu quả khai thác du lịch biển. Đây là đáp án khái quát nhất, bao hàm cả 3 ý a, b, c.

Chọn C.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản nước ta ngày càng nâng cao chủ yếu do tăng cường các ngành chế biến giúp tăng giá trị sản phẩm và đa dạng sản phẩm.

Chọn A.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta phân bố và phát triển mạnh ở những vùng thu hút được nhiều dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- A sai vì ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.
- B sai vì ngày nay yêu cầu chất lượng lao động cao.
- D sai vì hiện nay nhiều sản phẩm như thiết bị điện tử, máy tính và linh kiện,... được xuất khẩu rất nhiều.

Chọn C.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của vùng Đông Nam Bộ tăng nhanh chủ yếu do sản xuất hàng hóa phát triển, mức sống tăng, chính sách đổi mới.

- Sản xuất phát triển tạo ra nhiều hàng hóa và hàng hóa có chất lượng cao.
- Mức sống tăng, nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng tăng.
- Chính sách đổi mới thúc đẩy thương mại phát triển.

Chọn A.

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐĐ	ĐSĐĐ	ĐĐSS	ĐĐĐS

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung phần Địa lí dân cư.

Cách giải:

- a) Đúng vì tăng trưởng kinh tế đô thị góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch

cơ cấu kinh tế đất nước.

- b) Sai vì lối sống văn minh hiện đại lan toả về vùng nông thôn => thay đổi theo chiều hướng tích cực.
- c) Đúng vì các đô thị đang đóng góp quan trọng vào những vấn đề an sinh xã hội như: giải quyết việc làm, tăng phúc lợi xã hội,..
- d) Đúng vì đây là những tác động tiêu cực của quá trình đô thị hoá trong tương lai.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và SGK Địa lí 12, Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

Cách giải:

- a) Đúng vì năm 2021, ngành nông nghiệp chiếm 70,7%; ngành lâm nghiệp chiếm 26,3% và ngành thủy sản chiếm 3,0% trong cơ cấu giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
- b) Sai vì các hoạt động lâm nghiệp gồm: khai thác, chế biến lâm sản; trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng.
- c) Đúng các ngành kinh tế nước ta đều phát triển theo hướng bền vững.
- d) Đúng vì nhờ diện tích rừng trồng mới ngày càng tăng mới làm tổng diện tích rừng nước ta tăng (do diện tích rừng tự nhiên của nước ta ngày càng giảm)

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- a, b đúng. Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo luôn chiếm tỉ trọng cao nhất. Tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp khai khoáng giảm mạnh theo hướng phát triển bền vững.
- c sai vì tỉ trọng của nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhiều nhất (tăng 8,6%); Tỉ trọng của nhóm ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí chỉ tăng 0,3%.
- d sai vì cơ cấu công nghiệp phân theo ngành đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa tiếp cận công nghệ tiên tiến, hiện đại với sự chuyển dịch từ các ngành và công nghệ sản xuất sử dụng nhiều lao động sang các ngành công nghiệp công nghệ cao (công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính,...).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- a, b, c đúng.
- + Tuyên quốc lộ quan trọng nhất theo chiều Bắc – Nam của nước ta là quốc lộ số 1, chạy từ cửa khẩu

Hữu Nghị (Lạng Sơn) đến Năm Căn (Cà Mau) dài 2300km.

+ Ngành giao thông đường bộ có vị trí trọng yếu trong hệ thống giao thông vận tải quốc gia, đóng vai trò quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống nhân dân.

+ Các tuyến giao thông theo chiều Đông – Tây nối ra cửa khẩu giúp mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hóa, phát triển kinh tế.

- d sai. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển giao thông đường bộ ở trung du và miền núi nước ta là khai thác tài nguyên, trao đổi hàng hóa, phục vụ nhu cầu người dân. Mạng lưới đường bộ phát triển tạo điều kiện cho hàng hóa lưu thông, thúc đẩy sản xuất, đầu tư phát triển và các thuận lợi khác dẫn đến tăng trưởng kinh tế, khai thác tài nguyên và phục vụ nhu cầu người dân.

Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	10,2	19,9	31	8793	12,4	41,4

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Giá trị tổng)*100.

Cách giải:

Tổng sản lượng điện phát ra của nước ta năm 2020 là: $190\ 412 + 24\ 100 + 20\ 898 = 235\ 410$

Năm 2020, thành phần kinh tế ngoài Nhà nước chiếm: $(24\ 100/235\ 410)*100 = 10,2\%$ trong cơ cấu sản lượng điện phát ra theo thành phần kinh tế của nước ta.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính toán dựa vào công thức tính tỉ trọng.

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/giá trị tổng)*100

Cách giải:

Tỉ trọng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của Đồng Bằng Sông Cửu Long năm 2021 là:

$(928,5/4\ 657,0)*100 = 19,9\%$

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Công thức:

Tốc độ tăng trưởng GDP của nước ta năm 2021 so với năm 2010 = $84784,8 : 2739,8 \approx 31$

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2021 = $3937,1 + 4855,4 \approx 8793$ nghìn tấn.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của nước ta năm 2022 = $730,2 - 358,9 = 371,3$ tỉ USD.

- Cán cân xuất nhập khẩu = $371,3 - 358,9 = 12,4$ tỉ USD → Xuất siêu.

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Tỉ lệ diện tích của Khu công nghệ cao Hòa Lạc so với tổng diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta = $1586 : 3835,4 \times 100 \approx 41,4$